

QUYẾT ĐỊNH

V/v Điều chỉnh, bổ sung Phân phối chương trình chi tiết môn Giáo dục công dân cấp THPT

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CAO BẰNG

Căn cứ Công văn số 7608/BGDĐT-GDTrH ngày 31 tháng 8 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khung phân phối chương trình THCS, THPT năm học 2009 - 2010;

Căn cứ Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học GDPT;

Căn cứ Biên bản rà soát, chỉnh sửa phân phối chương trình chi tiết môn Giáo dục công dân cấp THPT ngày 11 tháng 9 năm 2017 của tổ giáo viên cốt cán;

Căn cứ Quyết định số 1332/2012/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Ban hành quy định phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục Trung học,

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung phân phối chương trình chi tiết môn Giáo dục công dân cấp THPT ban hành kèm theo Quyết định số 2444/QĐ-SGDĐT ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng (có phân phối chương trình chi tiết kèm theo).

Điều 2. Thời gian thực hiện phân phối chương trình chi tiết môn Giáo dục công dân cấp THPT: Từ ngày 01/10/2017.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Sở, Chánh Thanh tra Sở, Trưởng các phòng của Sở; Hiệu trưởng các trường THPT chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, GDTrH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mai Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v rà soát, chỉnh sửa phân phối chương trình môn GDCD cấp THPT

I. Thời gian, địa điểm, thành phần:

1. Thời gian: 8h ngày 11 tháng 9 năm 2017

2. Thành phần:

- | | | |
|-------------------|------------------|-------------|
| 1. Tô Thị Nga | THPT Chuyên | - Tổ trưởng |
| 2. Phan Quỳnh Nha | THPT Quang Trung | - Tổ phó |
| 3. Lưu Quốc Huy | THPT DTNT tỉnh | |
| 4. Nông Thị Lý | THPT Trùng Khánh | - Thư kí |
| 5. Nông Thị Tuyên | THPT Quảng Uyên | |
| 6. Bùi Thị Hiền | THPT Hà Quảng | |
| 7. Linh Thị Thơm | THPT Nguyễn Bình | |
| 8. Nông Văn Lầu | THPT Chuyên | |

3. Địa điểm: Hội trường tầng 2, Sở Giáo dục và đào tạo Cao Bằng.

II. Nội dung:

1. Chỉnh sửa, bổ sung phân phối chương trình lớp 10:

- Bổ sung bài 16: Tự hoàn thiện bản thân (Tiết 32).
- Giảm 01 tiết ngoại khóa, tăng 01 tiết lý thuyết trong học kì II.

2. Chỉnh sửa, bổ sung phân phối chương trình lớp 11:

- Bài 9: Nhà nước xã hội chủ nghĩa:

Mục 2 nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: Bổ sung ý (d) vai trò của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vào phần đọc thêm.

- Bài 14: Chính sách quốc phòng và an ninh:

Mục 1 vai trò và nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh: Bổ sung thêm phần nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh vào phần đọc thêm.

3. Chỉnh sửa, bổ sung phân phối chương trình lớp 12:

- Bài 9: Pháp luật với sự phát triển bền vững của đất nước:

Mục 2 nội dung cơ bản của pháp luật về sự phát triển bền vững của đất nước: Chuyển ý (b) nội dung cơ bản của pháp luật về văn hóa vào phần đọc thêm.

Các nội dung khác thực hiện theo phân phối chương trình ban hành theo công văn số: 2444/QĐ-SGDĐT ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo Cao Bằng về việc ban hành phân phối chương trình chi tiết các môn học cấp THCS, THPT.

Biên bản kết thúc hội 16 giờ 30 phút cùng ngày.

Thư ký



Nông Thị Lý

T/M Tổ cốt cán môn GDCD

Tổ trưởng



Tô Thị Nga

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CAO BẰNG

TÀI LIỆU

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

Môn: Giáo dục công dân

(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,

áp dụng từ năm học 2017 - 2018)

Cao Bằng, tháng 9 năm 2017

KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH
CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN

STT	Lớp	Học kì	Số tiết một học kì	Nội dung			
				Lý thuyết Bài tập	Thực hành ngoại khóa	Ôn tập	Kiểm tra
1	10	I	18	13	2	1	2
		II	17	13	1	1	2
Cả năm			35	26	3	2	4
2	11	I	18	15	0	1	2
		II	17	12	2	1	2
Cả năm			35	27	2	2	4
4	12	I	18	14	1	1	2
		II	17	12	2	1	2
Cả năm			35	26	3	2	4

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GDCD LỚP 10

Cả năm: 37 tuần (35 tiết)

Học kỳ I: 19 tuần (18 tiết)

Học kỳ II: 18 tuần (17 tiết)

A. HỌC KỲ I

Số tuần: 19

Số tuần dạy: 18

18 tuần x 01 tiết/tuần = 18 tiết

Tuần	Tiết CT	Bài	Nội dung	Nội dung giảm tải
1	1	1	<p>Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng</p> <p>1. Thế giới quan và phương pháp luận.</p> <p>a. Vai trò thế giới quan, phương pháp luận của Triết học.</p> <p>b. Thế giới quan duy vật và thế giới quan duy tâm.</p>	
2	2	1	<p>Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng</p> <p>c, Phương pháp luận biện chứng và phương pháp luận siêu hình.</p> <p>2. CNDV biện chứng - Sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng.</p> <p>- Mục 2: CNDVBC - sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng.</p> <p>- Câu hỏi 1, 2 phần câu hỏi và bài tập.</p>	<p>- Không phân tích, chỉ nêu kết luận: CNDVBC là sự thống nhất hữu cơ giữa TGQDV và PPL biện chứng.</p> <p>- Không yêu cầu HS trả lời.</p>
		2	Thế giới vật chất tồn tại khách quan	Không dạy
3	3	3	<p>Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất</p> <p>1. Thế giới vật chất luôn luôn vận động.</p>	
4	4	3	<p>Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất</p> <p>2. Thế giới vật chất luôn luôn phát triển.</p>	
5	5	4	<p>Nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật hiện tượng</p> <p>1. Thế nào là mâu thuẫn</p>	

6	6	4	Nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật hiện tượng 2. Mâu thuẫn là nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng.	
7	7	5	Cách thức vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng 1. Khái niệm chất và lượng.	
8	8	5	Cách thức vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng 2. Mối quan hệ giữa sự biến đổi về lượng dẫn đến sự biến đổi về chất.	
9	9	6	Khuynh hướng phát triển của sự vật và hiện tượng - Mục 2: Khuynh hướng phát triển của sự vật và hiện tượng. (5 dòng đầu trang 37, đoạn nói về Văn kiện Đại hội IX)	- Không dạy.
10	10		Kiểm tra 1 tiết	
11	11	7	Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 1. Thế nào là nhận thức	
12	12	7	Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 2. Thực tiễn là gì? 3. Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. - Câu hỏi 2 phần câu hỏi bài tập.	- Không yêu cầu HS trả lời.
		8	Tồn tại xã hội và ý thức xã hội	Không dạy
13	13	9	Con người là chủ thể của lịch sử, là mục tiêu phát triển của xã hội. 1. Con người là chủ thể của lịch sử.	
14	14	9	Con người là chủ thể của lịch sử, là mục tiêu phát triển của xã hội. 2. Con người là mục tiêu của sự phát triển xã hội. - Bài tập 4 phần câu hỏi và bài tập.	- Không yêu cầu HS làm.
15	15		Ngoại khoá	
16	16		Ngoại khoá	
17	17		Ôn tập học kì I	
18	18		Kiểm tra học kì I	
19			Hoàn thành chương trình	

B. HỌC KỲ II

Số tuần: 18

Số tuần dạy: 17

17 tuần x 01 tiết/ tuần = 17 tiết.

Tuần	Tiết CT	Bài	Nội dung	Nội dung giảm tải
20	19	10	Quan niệm về đạo đức 1. Quan niệm về đạo đức. - Điểm b mục 1: Phân biệt đạo đức với pháp luật và phong tục, tập quán trong sự điều chỉnh hành vi của con người.	- Chỉ dạy học nội dung: Phân biệt đạo đức với pháp luật
21	20	10	Quan niệm về đạo đức 2. Vai trò của đạo đức trong sự phát triển của cá nhân, gia đình và xã hội. - Bài tập 1 phần câu hỏi và bài tập. - Tư liệu 4 phần tư liệu tham khảo.	- Không yêu cầu học sinh làm. - Không yêu cầu học sinh đọc.
22	21	11	Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học 1. Nghĩa vụ. - Điểm b mục 1: Nghĩa vụ của người thanh niên Việt Nam hiện nay. 2. Lương tâm.	- Đọc thêm.
23	22	11	Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học 3. Nhân phẩm và danh dự 4. Hạnh phúc. - Điểm b mục 4: Hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc xã hội.	- Đọc thêm.
24	23	12	Công dân với tình yêu, hôn nhân và gia đình 1. Thế nào là tình yêu.	
25	24	12	Công dân với tình yêu, hôn nhân và gia đình 2. Hôn nhân. - Điểm a mục 2: Hôn nhân là gì? + Đoạn từ "Sau khi đăng kí kết hôn ..." đến "Em có nhận xét gì về suy nghĩ của cô gái này?". 3. Gia đình, chức năng gia đình, các mối quan hệ gia đình và trách nhiệm của các thành viên. - Điểm c mục 3: Mối quan hệ gia đình và trách nhiệm của các thành viên.	- Không dạy - Không dạy
26	25		Kiểm tra 1 tiết	
27	26	13	Công dân với cộng đồng 1. Cộng đồng và vai trò của cộng đồng đối với cuộc sống của con người.	

28	27	13	Công dân với cộng đồng 2. Trách nhiệm của công dân đối với cộng đồng a. Nhân nghĩa.	
29	28	13	Công dân với cộng đồng b. Hoà nhập. c. Hợp tác.	
30	29	14	Công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 1. Lòng yêu nước.	
31	30	14	Công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 2. Trách nhiệm xây dựng và bảo vệ tổ quốc.	
32	31	15	Công dân với một số vấn đề cấp thiết của nhân loại 1. Ô nhiễm môi trường và trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ môi trường. 2. Sự bùng nổ dân số và trách nhiệm của công dân trong việc hạn chế sự bùng nổ dân số. - Điểm a mục 2: Thông tin 1, đoạn từ “Thế nào là bùng nổ dân số? ...” đến “dân số thế giới ở mức 3,5 tỷ người là phù hợp”. 3. Những dịch bệnh hiểm nghèo và trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa, đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo. - Điểm a mục 3: Đoạn nói về các bệnh tim mạch, huyết áp, ung thư.	- Không dạy. - Không dạy.
33	32	16	Tự hoàn thiện bản thân	
34	33		Ngoại khoá	
35	34		Ôn tập học kì II	
36	35		Kiểm tra học kỳ II	
37			Hoàn thành chương trình	

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GDCD LỚP 11

Cả năm: 37 tuần (35 tiết)
 Học kỳ I: 19 tuần (18 tiết)
 Học kỳ II: 18 tuần (17 tiết)

A. HỌC KỲ I

Số tuần: 19

Số tuần dạy: 18

18 tuần x 01 tiết/ tuần = 18 tiết

Tuần	Tiết CT	Bài	Nội dung	Nội dung giảm tải
			<i>Phần 1: Công dân với kinh tế</i>	
1	1	1	Công dân với sự phát triển kinh tế 1. Sản xuất của cải vật chất. 2. Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.	
2	2	1	Công dân với sự phát triển kinh tế 3. Phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân gia đình và xã hội. - Điểm a mục 3: Nội dung thứ 2 của phát triển kinh tế: <i>cơ cấu kinh tế</i>	- Không dạy.
3	3	2	Hàng hoá - Tiền tệ - Thị trường 1. Hàng hoá. - Điểm b mục 1: Từ "Lượng giá trị hàng hoá ... " đến hết mục 1.	- Không dạy.
4	4	2	Hàng hoá- Tiền tệ - Thị trường 2. Tiền tệ. - Điểm a mục 2: Bốn hình thái giá trị. - Điểm c mục 2: Quy luật lưu thông tiền tệ. - Câu hỏi 6 trong phần câu hỏi và bài tập.	- Đọc thêm. - Không dạy. - Không yêu cầu HS trả lời.
5	5	2	Hàng hoá - Tiền tệ - Thị trường 3. Thị trường.	
6	6	3	Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hoá 1. Nội dung của quy luật giá trị. 2. Tác động của quy luật giá trị. - Câu hỏi 5 trong phần câu hỏi và bài tập.	- Không yêu cầu HS trả lời.
7	7	3	Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hoá 3. Vận dụng quy luật giá trị.	

			Câu hỏi 10 trong phần câu hỏi và bài tập	- Không yêu cầu HS trả lời.
8	8	4	Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá 1. Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. 2. Mục đích của cạnh tranh và các loại cạnh tranh. - Điểm b mục 2: Các loại cạnh tranh - Câu hỏi 3 và câu hỏi 6 trong phần câu hỏi và bài tập.	- Không dạy - Không yêu cầu HS trả lời.
9	9	5	Cung - cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá 1. Khái niệm cung, cầu. 2. Mối quan hệ cung - cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá. - Điểm b mục 2: Vai trò của quan hệ cung - cầu. - Câu hỏi 3 trong phần câu hỏi và bài tập.	- Không dạy. - Không yêu cầu HS trả lời.
10	10		Kiểm tra 1 tiết	
11	11	6	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước 1. Khái niệm công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.	
12	12	6	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước 2. Nội dung công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. - Điểm c mục 2: củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất XHCN và tiến tới xác lập địa vị thống trị của QHSX XHCN trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân. - Câu hỏi 5, 6, 7, 8 trong phần câu hỏi và bài tập.	- Đọc thêm. - Không yêu cầu HS trả lời.
13	13	7	Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần và tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước 1. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần. a) Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần.	
14	14	7	Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần và tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước b) Các thành phần kinh tế ở nước ta. c) Trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần. 2. Vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước. - Câu hỏi 9, 10 phần câu hỏi và bài tập.	- Không dạy. - Không yêu cầu HS trả lời.
Phần 2: Công dân với các vấn đề chính trị xã hội				

15	15	8	Chủ nghĩa xã hội 1. CNXH và những đặc trưng cơ bản của CNXH. - Điểm a mục 1: CNXH là giai đoạn đầu của XH CSCN.	- Đọc thêm
16	16	8	Chủ nghĩa xã hội 2. Quá độ lên CNXH ở nước ta - Điểm b mục 2: Đặc điểm thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta.	- Đọc thêm
17	17		Ôn tập học kì I	
18	18		Kiểm tra học kỳ I	
19			Hoàn thành chương trình	

B- HỌC KỲ II:

Số tuần: 18

Số tuần dạy: 17

17 tuần x 01 tiết/ tuần = 17 tiết.

Tuần	Tiết CT	Bài	Nội dung	Nội dung giảm tải
20	19	9	Nhà nước xã hội chủ nghĩa 1. Nguồn gốc và bản chất của nhà nước. - Điểm a mục 1: Nguồn gốc của nhà nước. - Điểm b mục 1: <i>Bản chất của nhà nước</i>	- Không phân tích, chỉ nêu kết luận - Đọc thêm.
21	20	9	Nhà nước xã hội chủ nghĩa 2. Nhà Nước pháp quyền XHCN Việt Nam - Điểm d mục 2: Vai trò của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong hệ thống chính trị	- Đọc thêm.
22	21	9	Nhà nước xã hội chủ nghĩa 3. Trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Câu hỏi 2, 5 trong phần IV: Câu hỏi và bài tập	- Không yêu cầu học sinh trả lời.
23	22	10	Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa 1. Bản chất của nền dân chủ XHCN.	- Phần này chỉ cần tập trung làm rõ: Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ của nhân dân lao

			<p>2. Xây dựng nền dân chủ XHCN ở Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm a mục 2: Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực kinh tế. - Điểm d mục 2: Đoạn từ "Đề quyền lực hoàn toàn thuộc về nhân dân ..." đến hết mục 2. 	<p>động, được thực hiện chủ yếu bằng nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc thêm. - Không dạy.
24	23	10	<p>Nền dân chủ XHCN</p> <p>3. Những hình thức cơ bản của dân chủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ "dân chủ trực tiếp mang tính quần chúng rộng rãi nhưng lại phụ thuộc vào ..." đến hết bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không dạy.
25	24	11	<p>Chính sách dân số và giải quyết việc làm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm a mục 1: Tình hình dân số nước ta. - Câu hỏi 1 trong phần câu hỏi và bài tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc thêm - Không yêu cầu HS trả lời.
26	25	12	<p>Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 1: Tình hình tài nguyên, môi trường nước ta hiện nay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc thêm.
27	26		Kiểm tra 1 tiết	
28	27	13	<p>Chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá</p> <p>1. Chính sách giáo dục và đào tạo.</p>	
29	28	13	<p>Chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá</p> <p>2. Chính sách khoa học và công nghệ.</p>	
30	29	13	<p>Chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá.</p> <p>3. Chính sách văn hoá.</p>	
31	30	14	<p>Chính sách quốc phòng và an ninh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 1: Vai trò và nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc thêm
32	31	15	Chính sách đối ngoại	
33	32		Ngoại khoá	
34	33		Ngoại khoá	
35	34		Ôn tập học kì II	
36	35		Kiểm tra học kì II	
37			Hoàn thành chương trình	

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GDCD Lớp 12

Cả năm: 37 tuần (35 tiết)

Học kỳ I: 19 tuần (18 tiết)

Học kỳ II: 18 tuần (17 tiết)

A. HỌC KỲ I

Số tuần: 19

Số tuần dạy: 18.

18 tuần x 01 tiết/tuần = 18 tiết

Tuần	Tiết CT	Bài	Nội dung	Nội dung giảm tải
1	1	1	Pháp luật và đời sống 1. Khái niệm pháp luật.	
2	2	1	Pháp luật và đời sống 2. Bản chất của pháp luật. - Điểm a mục 2: Đoạn từ "Bản chất giai cấp là biểu hiện chung của bất kì kiểu pháp luật nào ..." đến "mà đại diện là Nhà nước của nhân dân lao động".	- Không dạy.
3	3	1	Pháp luật và đời sống 3. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chính trị, đạo đức. - Điểm a, b: mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chính trị. 4. Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội. - Điểm a mục 4: 5 dòng cuối trang 10 và 3 dòng đầu trang 11, từ "Quản lý bằng pháp luật là phương pháp quản lý dân chủ và hiệu quả nhất, vì:" đến "nên hiệu lực thi hành cao". - Bài tập 3 và 7 trong phần câu hỏi và bài tập.	- Đọc thêm. - Không dạy. - Không yêu cầu HS làm.
4	4	2	Thực hiện pháp luật 1. Khái niệm, các hình thức và các giai đoạn thực hiện pháp luật. - Điểm c mục 1: Các giai đoạn thực hiện pháp luật.	- Không dạy.
5	5	2	Thực hiện pháp luật 2. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.	
6	6	2	Thực hiện pháp luật c. Các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.	
7	7	3	Công dân bình đẳng trước pháp luật	
8	8	4	Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội 1. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình. - Điểm c mục 1: Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.	- Không dạy.

9	9	4	Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội 2. Bình đẳng trong lao động. - Điểm c mục 2: Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trong lao động.	- Không dạy
10	10		Kiểm tra 1 tiết	
11	11	4	Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội 3. Bình đẳng trong kinh doanh. - Điểm c mục 3: Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng trong kinh doanh. - Câu hỏi 6 trong phần câu hỏi và bài tập.	- Không dạy. - Không yêu cầu HS trả lời.
12	12	5	Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo 1. Bình đẳng giữa các dân tộc. - Điểm d mục 1: Chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.	- Đọc thêm.
13	13	5	Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo 2. Bình đẳng giữa các tôn giáo. - Điểm d mục 2: Chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. - Bài tập 1 trong phần câu hỏi và bài tập.	- Đọc thêm. - Không yêu cầu học sinh làm.
14	14	6	Công dân với các quyền tự do cơ bản 1. Các quyền tự do cơ bản của công dân. a. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân. - Điểm a mục 1: Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.	- Đọc thêm.
15	15	6	Công dân với các quyền tự do cơ bản b. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân. - Điểm b mục 1: Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.	- Đọc thêm.
16	16		Ngoại khoá	
17	17		Ôn tập học kì I	
18	18		Kiểm tra học kỳ I	
19			Hoàn thành chương trình	

B. HỌC KỲ II
Số tuần: 18
Số tuần dạy: 17
17 tuần x 01 tiết/tuần = 17 tiết.

Tuần	Tiết CT	Bài	Nội dung	Nội dung giảm tải
20	19	6	Công dân với các quyền tự do cơ bản c. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. - Điểm c mục 1: Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.	- Đọc thêm.
21	20	6	Công dân với các quyền tự do cơ bản d. Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín. e. Quyền tự do ngôn luận.	
22	21	6	Công dân với các quyền tự do cơ bản 2. Trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc bảo đảm và thực hiện các quyền tự do cơ bản của công dân. - Điểm a mục 2: Trách nhiệm của Nhà nước. - Câu hỏi 8 trong phần câu hỏi và bài tập.	- Đọc thêm. - Không yêu cầu HS trả lời.
23	22	7	Công dân với các quyền dân chủ 1. Quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan đại biểu của nhân dân. - Điểm b mục 1: đoạn từ "Những trường hợp không được thực hiện quyền ứng cử ..." đến "đang bị quản chế hành chính". - Điểm b mục 1: Cách thức nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các đại biểu và cơ quan quyền lực nhà nước – cơ quan đại biểu của nhân dân	- Đọc thêm. - Không dạy.
24	23	7	Công dân với các quyền dân chủ 2. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.	
25	24	7	Công dân với các quyền dân chủ 3. Quyền khiếu nại và tố cáo của công dân. 4. Trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc thực hiện các quyền dân chủ của công dân. - Điểm a mục 4: Trách nhiệm của Nhà nước. - Bài 1 trong phần câu hỏi và bài tập.	- Không dạy. - Không yêu cầu HS làm.
26	25	8	Pháp luật với sự phát triển của công dân 1. Quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân.	
27	26	8	Pháp luật với sự phát triển của công dân 2. Ý nghĩa quyền học tập, sáng tạo và phát triển của	



			công dân.	
28	27	8	Pháp luật với sự phát triển của công dân 3. Trách nhiệm của công dân trong việc bảo đảm quyền học tập, sáng tạo và phát triển.	
29	28		Kiểm tra 1 tiết	
30	29	9	Pháp luật với sự phát triển bền vững của đất nước 1. Vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước. 2. Nội dung cơ bản của pháp luật về sự phát triển bền vững của đất nước. a. Một số nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển kinh tế.	- Đọc thêm
31	30	9	Pháp luật với sự phát triển bền vững của đất nước 2. Nội dung cơ bản của pháp luật về sự phát triển bền vững của đất nước. b. Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển văn hoá. c. Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển các lĩnh vực xã hội.	- Đọc thêm - Cần tập trung sâu vào 3 nội dung: 1. Trong việc xoá đói, giảm nghèo, mở rộng các hình thức trợ giúp người nghèo. (VD: chương trình 134, 135 của chính phủ) 2. Trong lĩnh vực dân số 3. Trong lĩnh vực phòng, chống các tệ nạn xã hội.
32	31	9	Pháp luật với sự phát triển bền vững của đất nước d. Nội dung của pháp luật về bảo vệ môi trường. - Điểm d mục 2: 9 dòng đầu đoạn từ "Pháp luật về bảo vệ môi trường quy định, ..." đến "Vì sao?". e. Nội dung của pháp luật về an ninh quốc phòng. - Điểm e mục 2: đoạn từ "Nguyên tắc hoạt động quốc phòng ..." đến "gắn với thể trận an ninh nhân dân".	- Không dạy. - Không dạy.
		10	Pháp luật với hòa bình và sự phát triển tiến bộ của nhân loại	- Đọc thêm
33	32		Ngoại khoá	

34	33		Ngoại khoá	
35	34		Ôn tập học kì II	
36	35		Kiểm tra học kì II	
37			Hoàn thành chương trình	